

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/HNGĐ-ST

Ngày 10/02/2026

V/v “*Xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hoàng Bá;

2. Ông Đinh Đắc Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 197/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 395/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1996 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn H – sinh năm 1993 (Vắng mặt lần thứ 2).

Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền, lợi ích được bảo vệ: Cháu Lê Thị Bảo N - sinh ngày 02/6/2015 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ C, ấp T, xã C, tỉnh An Giang.

Người làm chứng: Ông Lê Hữu Đ - sinh năm 2000 (Xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Hôn nhân của bà và ông Lê Văn H đến với nhau là do mai mối, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng hơn 05 tháng thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn ngày 18/12/2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận T, thành phố Cần Thơ

(nay là Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Cần Thơ).

Bà và ông H chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông H không chịu lao động tạo thu nhập chăm lo cho gia đình nên vợ, chồng thường xuyên cãi vã. Bà và ông H ly thân từ tháng 05/2024 cho đến nay. Hiện bà không còn tình cảm với ông H nên bà xin ly hôn với ông H.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông H có 01 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 02/6/2015; từ khi ly thân bà Lua là người trực tiếp nuôi con chung. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn H mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Người có quyền lợi ích được bảo vệ cháu Lê Thị Bảo N trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày: Cháu là con chung của bà Nguyễn Thị L và ông Lê Văn H. Cháu đang học lớp 5. Hiện cháu đang sống chung với nguyên đơn. Khi nguyên đơn, bị đơn ly hôn cháu nguyện vọng tiếp tục sống với nguyên đơn không yêu cầu gì với bị đơn.

Người làm chứng anh Lê Hữu Đ trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày: Anh là em ruột của ông Lê Văn H – là bị đơn trong vụ án xin ly hôn đối với nguyên đơn Nguyễn Thị L. Ông Lê Văn H vẫn còn đăng ký thường trú tại Khu V, phường T, thành phố Cần Thơ, anh và ông H sống chung nhà Nguyễn Thị Lua là vợ của ông Lê Văn H. Vấn đề hôn nhân của nguyên đơn, bị đơn thì anh không ý kiến. Trong quá trình chung sống thì nguyên đơn, bị đơn có 01 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 02/6/2015 hiện đang sống với nguyên đơn. Anh đã nhận được văn bản tố tụng của Tòa án gửi ông H nhưng ông H không về được và có trao đổi với anh là đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L được ly hôn với ông H. Về con chung, giao cháu N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng và nợ chung không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L xin ly hôn với bị đơn ông Lê Văn H thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về hôn nhân của bà L và ông H là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình; điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 15/12/2025. Hơn nữa Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn, hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông H là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 02/6/2015. Khi ly hôn nguyên đơn có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con và đây cũng là nguyện vọng của cháu N. Hội đồng xét xử nhận thấy, yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 54, 56, 69, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn H.

- *Về con chung:* Giao cháu Lê Thị Bảo N, sinh ngày 02/6/2015 cho bà Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho các đương sự, không ai được cản trở bị đơn thực hiện quyền này. Vì lợi ích con chung, nguyên đơn, bị đơn có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ:* Không xem xét giải quyết. Bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0007402 ngày 27/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND KV 4- Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Võ Hà Thía